

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH
CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ
CHỨNG KHOÁN LIÊN MINH VIỆT NAM
TẠI NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2014

Được kiểm toán bởi:

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM
(AASCS)

29 Võ Thị Sáu, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh; Điện thoại: (08). 38205.944 - 38205.947; Fax: 38205.942

NỘI DUNG	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	03 – 04
Báo cáo kiểm toán	05 – 06
Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đã được kiểm toán:	
- Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30/06/2014	07 – 08
- Thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30/06/2014	09 – 19



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán Liên Minh Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30/06/2014.

Công ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán Liên Minh Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 44/UBCK-GP ngày 24 tháng 11 năm 2008; Giấy phép điều chỉnh số 81/GPĐC-UBCK ngày 17/11/2010; Giấy phép điều chỉnh số 85/GPĐC-UBCK ngày 27/12/2010 của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước; Giấy phép điều chỉnh số 18/GPĐC-UBCK ngày 11/06/2013 của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước.

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán.
- Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán.

Trụ sở của Công ty tại: Tầng 10, Tòa nhà Abacus Tower, 58 Nguyễn Đình Chiểu, Phường ĐaKao, Quận 1, Tp.HCM.

Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

Ông Nguyễn Quang Trung	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 5/10/2010
Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 5/10/2010
Bà Phạm Thị Mân	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 5/10/2010

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc bao gồm:

Bà Đoàn Thị Hồng Loan	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm theo QĐ ngày 01/04/2013
Bà Trần Dương Ngọc Thảo	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm theo QĐ ngày 01/04/2013
Bà Lê Thị Thảo Bạch	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm theo QĐ ngày 1/08/2012

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Tôn Thất Hào	Trưởng ban kiểm soát	Miễn nhiệm theo QĐ ngày 02/04/2013
Bà Đoàn Thị Hồng Loan	Trưởng ban kiểm soát	Bổ nhiệm theo QĐ ngày 02/04/2013

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) bày tỏ nguyện vọng làm công tác kiểm toán cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài tỷ lệ an toàn tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30/06/2014 phản ánh trung thực, hợp lý tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty. Trong quá trình lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý, thận trọng
- Tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam hiện hành.
- Lập và trình bày các Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành
- Lập các Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tỷ lệ an toàn tài

011728
CÔNG TY
NHIỆM HỮU
VỤ TƯ V
NH KẾ T
EM TO
A NAN
P. HỒ

CÔNG TY CP QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN LIÊN MINH VIỆT NAM
Địa chỉ: Tầng 10, Tòa nhà Abacus Tower, 58 Nguyễn Đình Chiểu, Quận 1, Tp.HCM

chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng số liệu được thể hiện trong báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30/06/2014 phản ánh trung thực và hợp lý tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2014, phù hợp với các quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính tại Thông tư số 165/2012/TT-BTC ngày 9/10/2012 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

TP. HCM, ngày 30 tháng 07 năm 2014

TM. Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



Trần Dương Ngọc Thảo



Số: 468./BCKT/TC**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP***Về Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 06 năm 2014
của Công ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán Liên Minh Việt Nam*

Kính gửi: - Hội đồng Quản trị Công ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán Liên Minh Việt Nam
- Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán Liên Minh Việt Nam

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 06 năm 2014 của Công ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán Liên Minh Việt Nam được lập ngày 30 tháng 07 năm 2014 từ trang 7 đến trang 19 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc:

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 800 và các chuẩn mực kiểm toán khác có liên quan. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30/06/2014 đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty Cổ phần Quản Lý Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán Liên Minh Việt Nam, phù hợp với các quy định của Thông tư số 226/2010/TT-BTC và Thông tư số 165/2012/TT-BTC ngày 9 tháng 10 năm 2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2014

**Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính
Kế Toán và Kiểm Toán Phía Nam (AASCS)**



Tổng Giám đốc

Đỗ Khắc Thanh

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0064-2013-142-1

Kiểm toán viên

A blue ink signature is written on the page.

Đinh Thế Đường

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0342-2013-142-1



Công ty CP Quản lý Quỹ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Đầu tư Chứng Khoán Liên Minh Việt Nam

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: A.3A/CV/MNAC - 14

----/----

V/v: Báo cáo chỉ tiêu an toàn tài chính

TP.HCM, ngày 30 tháng 07 năm 2014

Kính gửi: Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước
BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại thời điểm: 30/06/2014

Chúng tôi cam đoan rằng:

- (1) Báo cáo được xây dựng trên cơ sở số liệu được cập nhật tại ngày lập báo cáo và được lập theo đúng các quy định tại Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính và Thông tư số 165/2012/TT-BTC ngày 09/10/2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính;
- (2) Đối với những vấn đề có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty phát sinh sau ngày lập báo cáo này, chúng tôi sẽ cập nhật trong kỳ báo cáo tiếp theo;
- (3) Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật về tính chính xác và trung thực của nội dung báo cáo.

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Lê Thị Thảo Bạch

Trưởng bộ phận Kiểm soát nội bộ

(Ký, ghi rõ họ tên)

Đoàn Thị Hồng Loan

Tổng Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



Trần Dương Ngọc Thảo

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại thời điểm: 30/06/2014

BẢNG TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU RỦI RO VÀ VỐN KHẢ DỤNG

STT	Các chỉ tiêu	Thuyết minh	Giá trị rủi ro/vốn khả dụng
1.	Tổng giá trị rủi ro thị trường	IV	5.850.000.000
2.	Tổng giá trị rủi ro thanh toán	V	2.119.687.046
3.	Tổng giá trị rủi ro hoạt động	VI	5.000.000.000
4.	Tổng giá trị rủi ro (4=1+2+3)		12.969.687.046
5.	Vốn khả dụng	VII	34.362.534.865
6.	Tỷ lệ an toàn Vốn khả dụng (6=5/4)		264,94%

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Trưởng bộ phận kiểm soát nội bộ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Tp.HCM, ngày 30 tháng 07 năm 2014

Tổng Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Lê Thị Thảo Bạch

Đoàn Thị Hồng Loan



Trần Dương Ngọc Thảo

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30/06/2014

I Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp:

1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán Liên Minh Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 44/UBCK-GP ngày 24 tháng 11 năm 2008; Giấy phép điều chỉnh số 81/GPĐC-UBCK ngày 17/11/2010; Giấy phép điều chỉnh số 85/GPĐC-UBCK ngày 27/12/2010 của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước; Giấy phép điều chỉnh số 18/GPĐC-UBCK ngày 11/06/2013 của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước.

Vốn điều lệ của Công ty là 50.000.000.000 đồng (Năm mươi tỷ đồng).

2. Ngành nghề kinh doanh:

- Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán;
- Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán.

II Cơ sở trình bày:

1. Các văn bản pháp quy áp dụng:

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với quy định trong Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 và Thông tư số 165/2012/TT-BTC ngày 9/10/2012 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính.

2. Cơ sở số liệu tài chính:

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính được lập dựa trên cơ sở số liệu tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2014 và cho kỳ kết thúc cùng ngày. Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kết thúc ngày 30/06/2014.

3. Đồng tiền trên báo cáo:

Công ty thực hiện lập báo cáo bằng đồng Việt Nam.

III Các nguyên tắc lập báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính chủ yếu:

1. Tỷ lệ vốn khả dụng:

Tỷ lệ vốn khả dụng là một thước đo mức độ an toàn tài chính của Công ty, phản ánh khả năng của Công ty trong việc thanh toán nhanh các nghĩa vụ tài chính và khả năng bù đắp các loại rủi ro phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh của Công ty.

Tỷ lệ vốn khả dụng là tỷ lệ phần trăm giữa giá trị vốn khả dụng và tổng giá trị rủi ro.

Tỷ lệ vốn khả dụng của Công ty được xác định theo công thức quy định trong Thông tư số 226/2010/TT-BTC và Thông tư số 165/2012/TT-BTC như sau:

$$\text{Vốn khả dụng} \times 100\%$$

$$\text{Tỷ lệ vốn khả dụng} = \frac{\text{Vốn khả dụng} \times 100\%}{\text{Tổng giá trị rủi ro}}$$

2. Vốn khả dụng:

Vốn khả dụng là vốn chủ sở hữu có thể chuyển đổi thành tiền trong vòng chín mươi (90) ngày.

Vốn khả dụng được xác định theo quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Thông tư số 165/2012/TT-BTC ngày 9/10/2012 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30/06/2014

3. Tổng giá trị rủi ro:

Tổng giá trị rủi ro là tổng các giá trị rủi ro thị trường, giá trị rủi ro thanh toán và giá trị rủi ro hoạt động.

3.1. Giá trị rủi ro thị trường:

Giá trị rủi ro thị trường là giá trị tương ứng với mức độ tổn thất có thể xảy ra khi giá thị trường của tài sản đang sở hữu biến động theo chiều hướng bất lợi.

Rủi ro thị trường phải được xác định đối với các tài sản được quy định tại điều 8 – Mục 2 – Chương 2 - Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính.

Công thức xác định giá trị rủi ro thị trường:

Giá trị rủi ro thị trường = Vị thế ròng x Giá tài sản x Hệ số rủi ro thị trường

- Hệ số rủi ro thị trường được xác định theo Phụ lục 1 kèm theo Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính.
- Giá tài sản được xác định theo Phụ lục 2 kèm theo Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính.

Tại ngày 30/06/2014, Công ty phát sinh giá trị rủi ro thị trường đối với khoản mục tiền và khoản mục cổ phiếu của các công ty đại chúng khác.

3.2. Giá trị rủi ro thanh toán:

Giá trị rủi ro thanh toán là giá trị tương ứng với mức độ tổn thất có thể xảy ra khi đối tác không thể thanh toán đúng hạn hoặc chuyển giao tài sản đúng hạn theo cam kết.

Kết thúc ngày giao dịch, Công ty xác định giá trị rủi ro thanh toán đối với các hợp đồng, giao dịch được quy định tại điều 9 – mục 2 – Chương 2 Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính.

Công thức xác định giá trị rủi ro thanh toán:

- Giá trị rủi ro thanh toán trước thời hạn nhận chuyển giao chứng khoán, tiền và thanh lý hợp đồng, được xác định theo nguyên tắc sau:

Giá trị rủi ro thanh toán = Hệ số rủi ro thanh toán x Giá trị tài sản tiềm ẩn
theo đối tác rủi ro thanh toán

- Giá trị rủi ro thanh toán quá thời hạn thanh toán được xác định theo nguyên tắc sau

Giá trị rủi ro thanh toán = Hệ số rủi ro thanh toán x Giá trị tài sản tiềm ẩn
theo thời gian rủi ro thanh toán

Hệ số rủi ro thanh toán theo đối tác xác định tùy thuộc vào mức độ tín nhiệm của đối tác giao dịch theo nguyên tắc quy định tại Phụ lục 3 kèm theo Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính.

Hệ số rủi ro thanh toán theo thời gian được xác định căn cứ vào khoản thời gian quá hạn thanh toán theo nguyên tắc quy định tại Phụ lục 3 kèm theo Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính.

Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán xác định theo nguyên tắc quy định tại Phụ lục 4 kèm theo Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính.

Tại ngày 30/06/2013, Công ty phát sinh giá trị rủi ro thanh toán đối với khoản mục phải thu khác.

3.3. Giá trị rủi ro hoạt động:



THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30/06/2014

Giá trị rủi ro hoạt động là giá trị tương ứng với mức độ tổn thất có thể xảy ra do lỗi kỹ thuật, lỗi hệ thống và quy trình nghiệp vụ, lỗi con người trong quy trình tác nghiệp, hoặc do thiếu vốn kinh doanh phát sinh từ các khoản chi phí, lỗ từ hoạt động đầu tư, hoặc do các nguyên nhân khách quan khác.

Rủi ro hoạt động của Công ty được xác định bằng 25% chi phí duy trì hoạt động của Công ty trong vòng 12 tháng liên kế tính tới tháng gần nhất, hoặc 20% Vốn pháp định theo quy định của pháp luật, tùy thuộc vào giá trị nào lớn hơn.

Chi phí duy trì hoạt động của Công ty được xác định bằng tổng chi phí phát sinh trong kỳ, trừ đi:

- Chi phí khấu hao;
- Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn;
- Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn;
- Dự phòng phải thu khó đòi.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30/06/2014

IV. RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Các hạng mục đầu tư		Hệ số rủi ro	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
		(1)	(2)	(3)=(1)x(2)
I. Tiền và các khoản trong đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ				
1	Tiền mặt (VND)	0%	178.462.464	0
2.	Các khoản tương đương tiền, tiền gửi có kỳ hạn	0%	27.142.284.139	0
3.	Giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng trên thị trường tiền tệ, chứng chỉ tiền gửi	0%		0
II. Trái phiếu Chính phủ				
4.	Trái phiếu Chính phủ không trả lãi	0%		0
5.	Trái phiếu Chính phủ trả lãi suất cố định			
5.1	Trái phiếu Chính phủ, Trái phiếu Chính phủ các nước thuộc khối OECD hoặc được bảo lãnh bởi Chính phủ hoặc Ngân hàng Trung ương của các nước thuộc khối này, Trái phiếu được phát hành bởi các tổ chức quốc tế IBRD, ADB, IADB, AfDB, EIB và EBRD	3%		0
5.2	Trái phiếu công trình được Chính phủ, Bộ Tài chính bảo lãnh có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm;	3%		0
	Trái phiếu công trình được Chính phủ, Bộ Tài chính bảo lãnh có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 tới 5 năm;	4%		0
	Trái phiếu công trình được Chính phủ, Bộ Tài chính bảo lãnh có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên;	5%		0
III. Trái phiếu doanh nghiệp				
6.	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	8%		0
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn từ 1 tới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	15%		0
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	20%		0
7.	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	25%		0
	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn từ 1 tới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	30%		0

50 172
 CÔNG TY
 CH NHẬN HỮU
 H VỤ TƯ
 CHÍNH KẾ
 À KIỂM T
 PHÍA NA
 - TP. HỒ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30/06/2014

IV. RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Các hạng mục đầu tư		Hệ số rủi ro	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
		(1)	(2)	(3)=(1)x(2)
7.	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	40%		0
IV. Cổ phiếu				
8.	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh; chứng chỉ quỹ mở	10%		0
9.	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	15%		0
10.	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi các công ty đại chúng chưa niêm yết, đăng ký giao dịch qua hệ thống UpCom	20%		0
11.	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các công ty đại chúng đã đăng ký lưu ký, nhưng chưa niêm yết hoặc đăng ký giao dịch; cổ phiếu đang trong đợt phát hành lần đầu (IPO)	30%		0
12.	Cổ phiếu của các công ty đại chúng khác	50%	9.000.000.000	4.500.000.000
V. Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán				
13.	Quỹ đại chúng, bao gồm cả công ty đầu tư chứng khoán đại chúng	10%		0
14.	Quỹ thành viên, công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ	30%		0
VI. Chứng khoán bị hạn chế giao dịch				
15.	Chứng khoán bị tạm ngừng giao dịch	40%		
16.	Chứng khoán bị hủy niêm yết, hủy giao dịch	50%		0
VII. Chứng khoán khác				
17.	Cổ phần, phần vốn góp và các loại chứng khoán khác	80%		
18.	Các tài sản đầu tư khác	80%		
VIII. Rủi ro tăng thêm (nếu có)				
19.	Mã chứng khoán	Mức tăng thêm	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
b.	Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Bản Việt	30%	4.500.000.000	1.350.000.000
TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG (I+II+III+IV+V+VI+VII+VIII)				5.850.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30/06/2014

V. RỦI RO THANH TOÁN

Loại hình giao dịch	Giá trị rủi ro						Tổng giá trị rủi ro
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	
		0,8%	3,2%	4,8%	6,0%	8,0%	
I. Rủi ro trước thời hạn thanh toán							
1.	Tiền gửi có kỳ hạn, các khoản tiền cho vay không có tài sản bảo đảm và các khoản phải thu từ hoạt động giao dịch và nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán						1.628.537.048
1.1	Tiền gửi có kỳ hạn (27.070.000.000đ)				1.624.200.000		1.624.200.000
1.2	Lãi của Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn (27.070.000.000, ls không kỳ hạn)				4.337.048		4.337.048
2.	Cho vay chứng khoán/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất						
3.	Vay chứng khoán/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất						
4.	Hợp đồng mua chứng khoán có cam kết bán lại/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất						
5.	Hợp đồng bán chứng khoán có cam kết mua lại/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất						
6.	Hợp đồng cho vay mua ký quỹ (cho khách hàng vay mua chứng khoán)/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất						
II. Rủi ro quá thời hạn thanh toán							
	Thời gian quá hạn	Hệ số rủi ro		Quy mô rủi ro		Giá trị rủi ro	
1.	0-15 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán						
2.	16 – 30 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán						
3.	31 – 60 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán						
4.	Từ 60 ngày trở đi	100%		3.889.998		3.889.998	
III. Rủi ro tăng thêm (nếu có)							
	Chi tiết tới từng khoản vay, tới từng đối tác	Mức tăng thêm		Quy mô rủi ro		Giá trị rủi ro	
1	Hợp đồng tiền gửi	30%		1.624.200.000		487.260.000	
TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THANH TOÁN (B=I+II+III)							2.119.687.046

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30/06/2014

VI- RỦI RO HOẠT ĐỘNG (TÍNH TRONG VÒNG 12 THÁNG)

I.	Tổng chi phí hoạt động phát sinh trong vòng 12 tháng	2.849.540.687
	Các khoản giảm trừ khỏi tổng chi phí	418.669.896
	1. Chi phí khấu hao	418.669.896
II.	2. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn	
	3. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn	
	4. Dự phòng phải thu khó đòi	
III.	Tổng chi phí sau khi giảm trừ (III = I - II)	2.430.870.791
IV.	25% Tổng chi phí sau khi giảm trừ (IV = 25% III)	607.717.698
V.	20% Vốn pháp định của tổ chức kinh doanh chứng khoán	5.000.000.000
TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG (C=Max {IV, V})		5.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30/06/2014

VII- BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		VKD	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
A	Nguồn vốn	(1)	(2)	(3)
1	Vốn chủ sở hữu không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	50.000.000.000		
2	Thặng dư vốn cổ phần, vốn khác không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)			
3	Cổ phiếu quỹ			
4	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ (nếu có)			
5	Quỹ đầu tư phát triển			
6	Quỹ dự phòng tài chính			
7	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu			
8	Lợi nhuận lũy kế và lợi nhuận chưa phân phối trước khi trích lập các khoản dự phòng theo quy định pháp luật	(14.640.510.313)		
9	Chênh lệch đánh giá lại tài sản (50% tăng thêm hoặc 100% giảm đi)			
10	Chênh lệch tỷ giá hối đoái			
11	Lợi ích của cổ đông thiểu số			
12	Các khoản nợ có thể chuyển đổi			
13	Toàn bộ phần giảm đi hoặc tăng thêm của các chứng khoán tại chỉ tiêu đầu tư tài chính			
1A	Tổng		35.359.489.687	
B	Tài sản ngắn hạn			
I	Tiền và các khoản tương đương tiền			
II	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn			-
1	Đầu tư ngắn hạn			
	Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường theo quy định tại khoản 2 Điều 8			
	Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng theo quy định tại khoản 5 Điều 5			
2	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)			
III	Các khoản phải thu ngắn hạn, kể cả phải thu hoạt động ủy thác		559.267.832	
1	Phải thu của khách hàng		486.983.693	
	Phải thu của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			

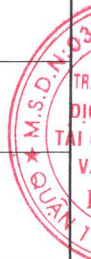


THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30/06/2014

VII- BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		VKD	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
	Phải thu của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày (*)		486.983.693	
2	Trả trước cho người bán			
3	Phải thu nội bộ ngắn hạn			
	Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			
4	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán			
	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			
5	Các khoản phải thu khác		72.284.139	
	Phải thu khác có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu khác có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		72.284.139	
6	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)			
IV	Hàng tồn kho			
V	Tài sản ngắn hạn khác		-	
1	Chi phí trả trước ngắn hạn			
2	Thuế GTGT được khấu trừ			
3	Thuế và các khoản phải thu nhà nước			
4	Tài sản ngắn hạn khác		-	
4.1	Tạm ứng			
	Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại trên 90 ngày			
4.2	Tài sản ngắn hạn khác			
1B	Tổng		559.267.832	



THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30/06/2014

VII- BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		VKD	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
C	Tài sản dài hạn			
I	Các khoản phải thu dài hạn, kể cả phải thu của hoạt động ủy thác			
1	Phải thu dài hạn của khách hàng			
	Phải thu dài hạn của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu dài hạn của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			
2	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc			
3	Phải thu dài hạn nội bộ			
	Phải thu dài hạn nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu dài hạn nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			
4	Phải thu dài hạn khác			
	Phải thu dài hạn khác có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu dài hạn khác có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			
1.5	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)			
II	Tài sản cố định		432.686.990	
III	Bất động sản đầu tư			
IV	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn			
1	Đầu tư vào công ty con			
2	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh			
3	Đầu tư chứng khoán dài hạn			
	Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường theo quy định tại khoản 2 Điều 8			
	Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng theo quy định tại khoản 5 Điều 5			
4	Đầu tư dài hạn khác			
5	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)			

011729
CÔNG TY
NHIỆM VỤ
VỤ TỰ V
NH KẾ T
IỂM TOÁ
IA NAM
TP. HỒ C

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30/06/2014

VII- BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		VKD	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
V	Tài sản dài hạn khác		5.000.000	
	Các chỉ tiêu tài sản bị coi là khoản ngoại trừ tại báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán mà không bị tính giảm trừ theo quy định tại Điều 5			
1C	Tổng		437.686.990	
VỐN KHẢ DỤNG = 1A -1B -1C			34.362.534.865	

Tp.HCM, ngày 30 tháng 07 năm 2014

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Trưởng bộ phận kiểm soát nội bộ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Tổng Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)





Lê Thị Thảo Bạch

Đoàn Thị Hồng Loan

Trần Dương Ngọc Thảo